

Bản án số:23/2019/HS- ST

Ngày 31/5/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị O

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Th

2. Ông Nguyễn Quốc S

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị D - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:** Ông Giáp Văn H - Kiểm sát viên .

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2019/TLST- HS ngày 23 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2019/QĐXXST- HS ngày 17 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn D, sinh ngày 15 tháng 6 năm 1993

Tên gọi khác: không; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn Y, xã Y, huyện L, tỉnh B; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thế T và bà: Bùi Thị Nh; vợ: Hà Thị Thùy D; con: chưa có; gia đình có 3 chị em, bị cáo là con thứ 3; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/12/2018 đến ngày 27/12/2018 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: Hà Thị Thùy D, sinh ngày 28 tháng 10 năm 1994

Tên gọi khác: không; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn Y, xã Y, huyện L, tỉnh B; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hà Văn N và bà: Trần Thị T; chồng: Nguyễn Văn D; con: chưa có; gia đình có 5 chị em, bị cáo là con thứ nhất; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại và được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Thế T, sinh năm 1962 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn Y, xã Y, huyện L, tỉnh B

* Người làm chứng:

- Ông Trần Văn Th, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn L, xã H, huyện T, tỉnh B;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 9/2018, do có nhu cầu mua pháo để đốt trong đám cưới nên Nguyễn Văn D, sinh năm 1993 ở thôn Y, xã Y, huyện L, tỉnh B có mua của một người đàn ông không quen biết ở thị trấn V, huyện L 02 bánh pháo tép với giá 2.000.000 đồng. Tuy nhiên do không sử dụng đến D cất số pháo này ở dưới gầm giường trong phòng bếp của gia đình mình. Đến sáng ngày 20/12/2018, D bàn với vợ là Hà Thị Thùy D, sinh năm 1994 mang số pháo này đi bán lấy tiền thì D đồng ý. Sau đó D sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng của D truy cập vào mạng xã hội Facebook với nick name “Điện Roy” rồi rao bán 02 bánh pháo này trên trang “CHỢ V, K, B, M”. Đến buổi trưa cùng ngày, D nhận được tin nhắn hỏi mua pháo của một người có nick name là “Minh Triệu”, hai bên trao đổi và thỏa thuận giá của số pháo này là 2.600.000 đồng/ bánh pháo và hẹn tối ngày 21/12/2018 sẽ giao hàng tại cầu B. Đến sáng ngày 21/12/2018 người đàn ông này sử dụng tài khoản ngân hàng số 0731000588078 chuyển vào tài khoản số 0351000666877 của D số tiền 500.000 đồng đặt trước cho việc mua pháo. Đến khoảng 19 giờ 30 phút ngày 21/12/2018, D lấy 02 bánh pháo được đựng trong thùng bìa cát tông ở dưới gầm giường phòng bếp rồi để lên yên xe mô tô biển kiểm soát 98B2-805.31, D ngồi trước điều khiển xe mô tô chở D, D ngồi sau giữ thùng pháo. Trên đường đi, người có nick name “Minh Triệu” có sử dụng số điện thoại 0795282860 gọi vào số 0965081102 của D bảo sang chân cầu B thuộc thôn L, xã H, huyện T để giao hàng. Khi đi đến cầu B, D và D gặp một người đàn ông, qua nói chuyện biết đây là người đã hỏi mua pháo nên D bỏ pháo ra cho người đàn ông này xem, khi người đàn ông đang xem pháo thì bị lực lượng Công an huyện T phát hiện bắt quả tang, người đàn ông có nick name “Minh Triệu” bỏ chạy thoát.

Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang gồm:

- 02 khối hình trụ tròn vỏ ngoài bọc giấy màu, trên giấy có in hoa văn và chữ nước ngoài và có bọc nilon, đường kính 70cm được để trong thùng bìa cát tông;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, số EMEI 359478085174022 bên trong có gắn sim số 0967.780.002 của Hà Thị Thùy D;
- 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 150V 30.00.11 màu đen, số EMEI 1: 355827096026809 bên trong có gắn sim số 0965.081.102 của Nguyễn Văn D;
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen trắng biển kiểm soát 98B2-805.31 đã qua sử dụng.

Cùng ngày 21/12/2018, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở, đồ vật của Nguyễn Văn D nhưng không thu giữ đồ vật, tài liệu gì có liên quan.

Tại kết luận giám định số 7243 ngày 25/12/2018 Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Tất cả mẫu vật gửi giám định là pháo nổ. Khối lượng 09kg.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn D và Hà Thị Thùy D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số: 21/CT- VKS, ngày 22/4/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố Nguyễn Văn D, Hà Thị Thùy D về tội: “ Buôn bán hàng cấm” theo điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn D, Hà Thị Thùy D đã khai nhận rõ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố.

* Tại phiên tòa hôm nay đại diện VKSND huyện T giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D, Hà Thị Thùy D phạm tội “Buôn bán hàng cấm”. Áp dụng điểm c khoản 1, 4 Điều 190; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Văn D từ 14 đến 16 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 28 đến 32 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt tiền Nguyễn Văn D 20.000.000 đồng sung quỹ nhà nước. Xử phạt Hà Thị Thùy D từ 10 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 20 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao các bị cáo D, D cho UBND xã Y, huyện L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về vật chứng: áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu sung quỹ nhà nước chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia150V30.00.011 màu đen. Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 500.000 đồng là tiền thu lời bất chính bị cáo D đang quản lý. Tịch thu tiêu hủy các mẫu vật hình trụ, vỏ giấy màu đỏ, đầu mỗi vật có gắn dây ngòi, được liên kết với nhau thành tràng (02 tràng sau khi trích 0,2 kg pháo để giám định đựng trong 01 thùng cattong được niêm phong bằng các chữ ký (còn lại sau giám định có tổng trọng lượng 8,8kg).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay người làm chứng là ông Trần Văn Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Ông Th đã có lời khai trong quá trình điều tra. Sự

vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên HĐXX quyết định tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 293 BLTTHS.

[3] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên tòa, các bị cáo có mặt đã hoàn toàn khai nhận về hành vi phạm tội của mình như quyết định truy tố đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ được, kết luận giám định, phù hợp lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ do Cơ quan điều tra thu thập về thời gian, không gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Vào hồi 20 giờ 30 phút ngày 21/12/2018, tại cầu B thuộc thôn L, xã H, huyện T, tỉnh B, Công an huyện T phát hiện bắt quả tang Nguyễn Văn D, sinh năm 1993 và Hà Thị Thùy D, sinh năm 1994 đều ở thôn Y, xã Y, huyện L, tỉnh B có hành vi bán trái phép 09kg pháo nổ. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Do đó, có đủ cơ sở xác định các bị cáo phạm tội “Buôn bán hàng cấm”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự.

[4] Xét nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo HĐXX thấy:

Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra. Các bị cáo không có tiền án, tiền sự. Bị cáo D có thời gian tham gia nghĩa vụ tại tiểu đoàn 463- Bộ tham mưu- Quân đoàn 2 từ tháng 9 năm 2013 đến tháng 01 năm 2015 hoàn thành nghĩa vụ trở về địa phương. Bố của bị cáo D là ông Nguyễn Thế T đã có thời gian tham chiến tranh bảo vệ tổ quốc tại biên giới phía bắc 4 năm 6 tháng và hiện là thương binh loại A hạng bốn. Bị cáo D có bà ngoại là bà Hoàng Thị M được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất và có ông ngoại là ông Trần Xuân H được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần xem xét để giảm nhẹ cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy: các bị cáo D, D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về vai trò của các bị cáo: các bị cáo D, D đều cùng nhau thực hiện hành vi buôn bán hàng cấm thuộc trường hợp đồng phạm theo quy định tại Điều 17 Bộ luật Hình sự. Trong đó, bị cáo D là người có vai trò chính, là người chủ động dùng điện thoại của bị cáo D để dao bán pháo trên mạng Facebook và dùng xe mô tô để trở bị cáo D đi bán pháo. Bị cáo D có vai trò giúp sức cho bị cáo D. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vai trò của từng bị cáo để quyết định hình phạt theo quy định tại Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Từ những phân tích, đánh giá về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, về vai trò, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy bị cáo D, D có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Căn cứ vào Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử thấy, không cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo trở thành công dân chấp hành tốt pháp luật, đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Các bị cáo D, D sống chung cùng bố mẹ và không có tài sản gì. Bị cáo D có thu nhập ổn định. Bị cáo D thu nhập không ổn định nên áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo D, không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo D.

[6] Đối với người đàn ông có nick name “Minh Triệu” sử dụng số điện thoại 0795282860 và tài khoản ngân hàng số 0731000588078, D khai người đàn ông này là Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1995 ở thôn Đ, xã D, huyện L. Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với anh H nhưng anh H khẳng định không mua pháo của D và D, H không sử dụng số điện thoại 0795282860 và cũng không có tài khoản ngân hàng số 0731000588078. Buổi tối ngày 21/12/2018, anh H cùng bạn là Nguyễn Thị Th sinh năm 2000 và Nguyễn Ngọc T, sinh năm 2000 đều ở thôn C, xã D, huyện L đi chơi ở khu vực cầu B thì chứng kiến việc Cơ quan công an bắt quả tang hai đối tượng có hành vi buôn bán pháo. Qua làm việc chị Th và anh T đều xác nhận nội dung sự việc như anh H trình bày. Cơ quan điều tra cũng đã mời anh H lên làm việc để đối chất với D về việc mua bán pháo nhưng anh H từ chối lên làm việc. Qua các tài liệu thu thập được thì không có căn cứ để chứng minh anh H là người mua pháo của D và D. Cơ quan điều tra đã tách phần tài liệu liên quan đến người đàn ông có nick name “Minh Triệu” này ra khỏi hồ sơ vụ án để tiếp tục điều tra, khi nào có căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[7] Đối với số điện thoại 0795282860, qua xác minh thì thấy thông tin đăng ký của số điện thoại này là anh Trần Văn V, sinh năm 1975 ở thôn Đ, xã An D, huyện T, tỉnh B, tuy nhiên anh V khẳng định chưa từng sở hữu, sử dụng số điện thoại này, anh V cũng không cho ai mượn chứng minh nhân dân để đăng ký thông tin thuê bao.

[8] Đối với số tài khoản ngân hàng 0731000588078, qua xác minh số tài khoản này đăng ký tên chị Lê Lê H, sinh năm 1982 ở số nhà 1 ngõ 478 phường X, thành phố B. Chị H khai buổi sáng ngày 21/12/2018 khi chị ngồi uống nước ở ven đường X thì có một người đàn ông đưa cho chị 500.000 đồng và nhờ chị chuyển 500.000 đồng này vào số tài khoản 0351000666877, do người này không có tài

khoản ngân hàng nên chị đã đồng ý chuyển tiền giúp người đàn ông này. Chị không biết người đàn ông này là ai, ở đâu nên không có căn cứ để truy tìm.

[9] Đối với người đàn ông đã bán pháo cho D ở thị trấn V, huyện L, do Diện không nhớ được đặc điểm của người này và không biết người này là ai nên không có căn cứ để truy tìm.

[10] Về vật chứng:

- Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng có số IMEL 359478085174022 bên trong gắn sim số 0967780002 thu của bị cáo D và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia150V30.00.011 màu đen số IMEL 355827096026809 bên trong có gắn sim số 0965081102 thu của D là điện thoại mà D dùng để liên lạc buôn bán hàng cấm vẫn còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Số tiền 500.000 đồng là tiền thu lời bất chính bị cáo D đang quản lý nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Các mẫu vật hình trụ, vỏ giấy màu đỏ, đầu mỗi vật có gắn dây ngòi, được liên kết với nhau thành tràng (02 tràng sau khi trích 0,2 kg pháo để giám định đựng trong 01 thùng cattong được niêm phong bằng các chữ ký (còn lại sau giám định có tổng trọng lượng 8,8kg) là hàng cấm nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B2-805.31, quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Thế T, sinh năm 1962 ở thôn Y, xã Y, huyện L (ông T là bố đẻ của D). Khi D điều khiển xe mô tô đi mua pháo thì ông T không biết. Ngày 30/01/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông T chiếc xe mô tô trên. Đến nay ông T không có yêu cầu gì.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và xử lý vật chứng là có căn cứ cần được chấp nhận.

Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1, 4 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn D.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hà Thị Thùy D.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D, Hà Thị Thùy D phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn D 14 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thời gian thử thách là 28 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt tiền 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

- Xử phạt: Hà Thị Thùy D 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không xử phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Hà Thị Thùy D.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn D, Hà Thị Thùy D cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm b, điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu sung quỹ nhà nước chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng có số IMEL 359478085174022 bên trong gắn sim số 0967780002 và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia150V30.00.011 màu đen số IMEL 355827096026809 bên trong có gắn sim số 0965081102.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 500.000 đồng là tiền thu lời bất chính bị cáo Nguyễn Văn D đang quản lý.

- Tịch thu tiêu hủy các mẫu vật hình trụ, vỏ giấy màu đỏ, đầu mỗi vật có gắn dây ngòi, được liên kết với nhau thành tràng (02 tràng sau khi trích 0,2 kg pháo để giám định đựng trong 01 thùng cattong được niêm phong bằng các chữ ký (còn lại sau giám định có tổng trọng lượng 8,8kg).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Văn D, Hà Thị Thùy D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TAND Tỉnh B;

- VKSND huyện T;

- Công an huyện T;

- Chi cục THADS huyện T;

- các bị cáo;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị O

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Thiện

Nguyễn Quốc Sửu

Đoàn Thị Oanh

- Luu Hs, Vp.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
PHIÊN TÒA

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA

Trần Văn Thiện

Nguyễn Quốc Sửu

Đoàn Thị Oanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
PHIÊN TÒA

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA

Trần Văn Thiện

Nguyễn Quốc Sử

Đoàn Thị Oanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
PHIÊN TÒA

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA

Trần Văn Thiện

Nguyễn Quốc Sử

Đoàn Thị Oanh

